TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

- Các Hội thẩm nhân dân Ông Võ Duy Bảo

Ông Phan Hải Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định hoãn số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm Thường X, xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Ng, sinh năm 1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Thường X, xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại Đức. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai nguyên đơn Chị Thái Thị Th trình bày: Chị và Anh Trần Văn Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2018 anh Ng đi xuất khẩu lao động tại Đức. Thời gian đầu

hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Sau một thời gian do ở xa nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mẫu thuẫn do không tin tưởng, thiếu tôn trọng nhau, anh Ng có người phụ nữ khác. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm lẫn nhau về vật chất lẫn tinh thần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Trần Văn Ng.

Về con chung: Chị Thái Thị Th và Anh Trần Văn Ng có bốn con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/10/2006, Trần Văn Nhật, sinh ngày 15/01/2008, Trần Thái Bình, sinh ngày 10/01/2012 và cháu Trần Khánh V, sinh ngày 26/4/2019, hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là Anh Trần Văn Ng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là Anh Trần Văn Ng vắng mặt. Chị Thái Thị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Ng cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh Ng đang sinh sống tại Đức. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu anh Trần Văn Thành (là anh trai của anh Ng), trú tại: Xóm Mỹ Thiện, xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu anh thông báo với anh Ng để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến anh Thành cho biết thời gian ở nước ngoài, anh Ng thường xuyên liên lạc về với anh qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể của anh Ng thì anh Ng không cung cấp nên anh không biết. Anh đã thông báo cho anh Ng biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị Th và anh Ng; thông qua anh thì anh Ng đồng ý ly hôn với chị Th và đồng ý để chị Th nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Thái Thị Th ly hôn với Anh Trần Văn Ng. Về con chung: Đề nghị giao các con chung Trần Văn L, sinh ngày 16/10/2006, Trần Văn Nhật, sinh ngày 15/01/2008, Trần Thái Bình, sinh ngày 10/01/2012 và cháu Trần Khánh V, sinh ngày 26/4/2019 cho Chị Thái Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét; giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thái Thị Th hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Văn Ng hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Ng có địa chỉ cư trú tại xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là Anh Trần Văn Ng vắng mặt, Tòa án đã gửi công văn yêu cầu anh Trần Văn Thành (là anh trai của anh Ng) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh Ng biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, anh Thành không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Ng; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Ng liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh Ng trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị Thái Thị Th có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Thái Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Th và Anh Trần Văn Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Th và anh Ng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì năm 2018 anh Ng đi xuất khẩu lao động tại Đức. Từ đó hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh Ng có người phụ nữ khác. Từ đó đến nay chị Th và anh Ng không liên lạc với nhau, không quan tâm lẫn nhau về vật chất và tinh thần. Xét thấy, chị Th và anh Ng không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho Chị Thái Thị Th được ly hôn Anh Trần Văn Ng.

[2.2]. Về con chung: Chị Thái Thị Th và Anh Trần Văn Ng có bốn con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày 16/10/2006,cháu Trần Văn Nhật, sinh ngày 15/01/2008, cháu Trần Thái B, sinh ngày 10/01/2012 và cháu Trần Khánh V, sinh ngày 26/4/2019, hiện các con đang ở với chị Th. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng giao các con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Th không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị Th là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, vì hiện nay, Anh Trần Văn Ng đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th. Giao cho chị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Văn L, sinh ngày 16/10/2006,Trần Văn Nhật, sinh ngày 15/01/2008, Trần Thái Bình, sinh ngày 10/01/2012 và cháu Trần Khánh V, sinh ngày 26/4/2019 cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị Th khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Thái Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thái Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Th được ly hôn Anh Trần Văn Ng.

- Về con chung: Giao con chung Trần Văn L, sinh ngày 16/10/2006,Trần Văn Nhật, sinh ngày 15/01/2008, Trần Thái Bình, sinh ngày 10/01/2012 và Trần Khánh V, sinh ngày 26/4/2019 cho Chị Thái Thị Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th chưa yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Anh Trần Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị Th không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Thái Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011579 ngày 02/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Chị Thái Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam C, huyện Nam Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thái Thị Hồng Vân